

## QUY CHẾ ĐÀO TẠO KỸ THUẬT VIÊN

(Ban hành theo Quyết định số 652-07/QĐ-BGH  
ngày 12 tháng 10 năm 2007 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hoa Sen)

### Chương 1 CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

#### **Điều 1. Mục tiêu đào tạo**

Mục tiêu chung của hệ kỹ thuật viên bao gồm:

1. Có vốn kiến thức cơ bản tối thiểu về ngành nghề được đào tạo.
2. Có kiến thức chuyên môn tương đối rộng để có thể làm việc trong các lãnh vực gần gũi với ngành nghề được đào tạo.
3. Nắm được những kỹ năng cơ bản cụ thể của ngành nghề để làm việc được ngay sau khi tốt nghiệp.
4. Biết vận dụng kiến thức đã học vào ngành nghề.
5. Biết xử lý thông tin (theo nghĩa rộng) trong phạm vi ngành nghề, qua đó tăng cường khả năng tự học sau này.
6. coi trọng huấn luyện thực tế.
7. Biết làm việc với tập thể.

#### **Điều 2. Học kỳ**

1. Một năm học gồm 3 học kỳ. Với học kỳ học trên lớp gồm có 13 tuần thực học, 1 tuần dự trữ và 2 tuần thi cuối học kỳ.
2. Các đợt thực tập tập trung được bố trí trong 1 học kỳ, kéo dài 8 - 13 tuần đối với Thực tập nhận thức hoặc 13 tuần đối với Thực tập tốt nghiệp, 1 tuần dự trữ/hoàn thành báo cáo và 2 tuần dùng cho các hoạt động thi hay/và bảo vệ.
3. Các môn học bố trí trải đều suốt học kỳ. Nếu khóa học chỉ học buổi tối, có thể bố trí một vài môn theo lối cuốn chiếu, nhưng vẫn thi tập trung vào các tuần thi cuối học kỳ.

#### **Điều 3. Môn học**

##### **1. Môn học**

Môn học là một trong các loại hình hoặc kết hợp hai hay nhiều loại hình sau: Bài giảng trên lớp, hội thảo, bài tập, thí nghiệm, thực hành, đề án môn học, thực tập nhận thức, thực tập tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp. Hiệu trưởng có thể duyệt cho giảng dạy một loại hình giảng dạy khác với danh mục trên.

##### **2. Tín chỉ (Đơn vị học trình)**

- a. Tín chỉ là một giá trị bằng số để mô tả khối lượng công việc mà sinh viên phải bỏ ra để hoàn tất một môn học trong một học kỳ. Giá trị gán này chủ yếu dựa vào mức độ lao động để hoàn tất môn học, mà không dựa vào mức độ quan trọng của

môn học. Thông qua số tín chỉ (không phải số môn học) tích lũy được, trường đánh giá kết quả học tập của một sinh viên.

b. Số tín chỉ học kỳ: 1 tín chỉ học kỳ hay nói gọn 1 tín chỉ là đơn vị giá trị (số nguyên) gán cho 1 tiết học lý thuyết (một tiết học bằng 45 phút), hay 2 tiết bài tập, thực hành, hay 3 tiết thí nghiệm, thảo luận cộng thêm 2 giờ tự học mỗi tuần trong suốt học kỳ.

### **3. Mã số môn học**

Mã số môn học (MSMH) được trường quy định là một nhóm gồm 6-7 ký tự chữ và số. MSMH là duy nhất cho một môn học cùng với quy cách của môn học đó do phòng Đào tạo thống nhất quản lý theo quy định của nhà trường.

### **4. Đề cương môn học**

a. Đề cương môn học là một tài liệu mô tả quy cách môn học, các mục tiêu của môn học, kết quả đạt được sau khi học xong môn học, các cách thức đánh giá môn học, tài liệu phải đọc và nội dung giảng dạy.

b. Các môn học cùng MSMH đều thực hiện giảng dạy theo cùng một đề cương môn học. Khi bắt đầu một môn học giảng viên dạy môn học đó có trách nhiệm giới thiệu và cung cấp đề cương này cho cả lớp.

c. Tất cả môn học giảng dạy trong trường đều có bản đề cương đã được Trường Bộ môn duyệt lưu tại Bộ môn phụ trách môn học và phòng Đào tạo.

## **Điều 4. Chương trình đào tạo**

1. Chương trình đào tạo ghi toàn bộ các yêu cầu về mặt chuyên môn cho suốt khóa học của một ngành từ khi khai giảng đến khi tốt nghiệp.
2. Chương trình đào tạo bao gồm các thông tin sau:
  - Mục tiêu của chương trình
  - Thống kê các khối kiến thức
  - Phân bố các môn học theo học kỳ
  - Các đợt thực tập dài hạn
  - Các nội dung khác, nếu cần
3. Chương trình đào tạo này do Hội đồng Học vụ xem xét và Hiệu trưởng duyệt và được công bố cho sinh viên vào đầu mỗi khóa học.
4. Chương trình đào tạo có thể được cập nhật (theo quy trình của trường) trong khoá học để sát hợp với nhu cầu xã hội. Chương trình cập nhật được công bố cho sinh viên trước khi khai giảng học kỳ hoặc năm học mới.

## **Điều 5. Chủ nhiệm Chương trình – Cố vấn học tập ngành học**

Chủ nhiệm chương trình - Cố vấn học tập là người tư vấn cho sinh viên về chương trình đào tạo, theo dõi hiệu quả các dịch vụ phục vụ sinh viên, các phản hồi của sinh viên, hỗ trợ phụ trách thực tập và các nhiệm vụ khác theo quy định về công tác Chủ nhiệm chương trình - Cố vấn học tập ngành học do Hiệu trưởng ban hành.

## **Điều 6. Thời gian tối đa của khóa học**

Thời gian tối đa là 4 năm đối với khóa học kéo dài 2 năm (hệ Kỹ thuật viên cao cấp) và 2 năm đối với khóa học kéo dài 1 năm (hệ Kỹ thuật viên)

## **Chương 2**

### **TỔ CHỨC ĐÀO TẠO**

#### **Điều 7. Đăng ký nhập học và tổ chức lớp học**

Sinh viên trúng tuyển phải đăng ký và hoàn tất nhập học theo quy định của nhà trường. Sinh viên được cấp một MSSV và được phòng Đào tạo sắp xếp lớp học và thời khóa biểu theo ngành học đã trúng tuyển.

1. Mã số lớp: Mã số lớp gồm tối thiểu 5 ký tự như sau:
  - 2 ký chữ chỉ ngành
  - 2 ký tự tiếp theo là của năm bắt đầu của ngành
  - Ký tự thứ 5 là chữ C
  - Nếu một khóa - ngành có nhiều lớp cho một khóa thì ghi ký tự chữ sau chữ C
2. Sinh viên không được đổi lớp học do phòng Đào tạo sắp xếp.
3. Các môn học cùng mã số có thể được tổ chức lớp học chung cho nhiều ngành.

#### **Điều 8. Miễn môn học**

1. Đối với những sinh viên được phép bảo lưu, tạm dừng học nay trở về học lại, môn học của lớp cũ không còn giảng dạy nữa, hay không thể giảng dạy vào học kỳ mà sinh viên được bố trí học, được phép đăng ký học môn thay thế bằng một môn học khác đang còn giảng dạy.
2. Sinh viên được phép miễn môn học khi sinh viên đã hoàn tất môn tương đương thuộc các chương trình đào tạo của nhà trường hoặc đã có các chứng chỉ quốc tế. Thời hạn tối đa để xét công nhận môn tương đương được tính theo thời hạn tối đa của chương trình đào tạo mà sinh viên đã hoàn tất môn học đó.
3. Bộ môn đề xuất môn thay thế, xét môn tương đương-miễn học, thông qua Trưởng Khoa và nhà trường ra quyết định, chậm nhất là 1 tuần trước khi bắt đầu học kỳ. Sinh viên không phải đóng học phí cho các môn học được miễn.

#### **Điều 9. Ngành học không mở liên tục**

1. Ngành học được mở ra theo nhu cầu của xã hội trong một thời điểm nhất định, nghĩa là trường không phải năm nào cũng mở các ngành như nhau.
2. Trừ trường hợp được mô tả trong điều 15 khoản 3, những sinh viên học chậm (tạm dừng học vì lý do cá nhân) không theo đúng nhịp độ bình thường của khóa mình khi tuyển sinh có nhiều khả năng sẽ không có khóa tiếp theo để học vì trường không tuyển sinh tiếp.
3. Những sinh viên thuộc diện mô tả ở khoản 2 phải chuyển ngành và có thể sẽ mất lợi thế ở ngành mới.

#### **Điều 10. Chuyển ngành học**

1. Sinh viên đang học có thể được xem xét chuyển sang một ngành khác, trước khi khai giảng năm học mới.
2. Điều kiện để được xét chuyển ngành:

- a. Còn trong thời hạn học tập ở trường.
  - b. Là sinh viên hợp lệ (không thuộc diện buộc thôi học)
  - c. Cả hai ngành chuyển đi và chuyển đến có cùng môn thi tuyển sinh.
  - d. Kết quả tuyển sinh đầu vào của ngành đang học không thấp hơn điểm trúng tuyển của ngành xin chuyển đến.
  - e. Ngành chuyển đến còn chỗ học.
3. Thời gian tối đa sinh viên được phép theo học là thời gian tối đa quy định cho ngành thứ nhất. Khi được chuyển sang ngành mới, sinh viên được xét bảo lưu điểm những môn học có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương đã học ở ngành cũ.
  4. Việc chuyển ngành chỉ áp dụng một lần trong suốt khóa học.

### **Điều 11. Tiếp nhận sinh viên chuyển từ hệ Đại học, Cao đẳng sang hệ Kỹ thuật viên**

1. Sinh viên Đại học, Cao đẳng nếu có nguyện vọng có thể được xem xét chuyển sang hệ Kỹ thuật viên.
2. Điều kiện để được chuyển hệ:
  - a. Còn trong thời hạn học tập ở trường.
  - b. Không bị buộc thôi học.
  - c. Ngành chuyển xuống là chuyên ngành gần với ngành đã học ở bậc Cao đẳng, đại học.
3. Thời gian tối đa sinh viên được phép theo học hệ Kỹ thuật viên là thời gian tối đa thiết kế cho khóa học của hệ Kỹ thuật viên mà sinh viên được thu nhận vào.
4. Sinh viên được xét bảo lưu điểm những môn học có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương đã học ở bậc Cao đẳng, Đại học.
5. Sinh viên đã chuyển sang hệ Kỹ thuật viên không được chuyển ngành lần thứ 2 như mô tả tại điều 10.

## **Chương 3**

### **KIỂM TRA VÀ THI**

#### **Điều 12. Kiểm tra**

1. Kiểm tra là hình thức đánh giá trung gian trong quá trình học tập một môn học. Trừ những môn như thực tập, thí nghiệm, đồ án, các môn có học lý thuyết đều phải có tối thiểu một bài kiểm tra giữa học kỳ. Ngoài hình thức kiểm tra, còn có thể thêm các hình thức đánh giá khác như sinh hoạt trong lớp, báo cáo, thảo luận trong thực tập... Các hình thức này phải được ghi trong đề cương môn học.
2. Nếu môn học chỉ kiểm tra một lần, điểm kiểm tra sẽ tính 30% điểm trung bình môn học. Nếu có nhiều môn đánh giá trung gian thì tổng các điểm này không được vượt quá 60% điểm trung bình môn học.
3. Giảng viên cho kiểm tra trên lớp vào tuần 7 hoặc tuần 8 mỗi học kỳ. Nếu sinh viên vắng kiểm tra lần nào điểm kiểm tra lần đó bằng 00; nếu vì lý do bất khả kháng như ốm đau có giấy xác nhận của bệnh viện, gia đình có tang lễ... sẽ được giảng viên tổ chức kiểm tra lại (có sự giám sát hoặc xác nhận của phòng Đào tạo).
4. Điểm kiểm tra và các điểm thành phần kiểm tra khác được giảng viên công bố và trả bài kiểm tra cho sinh viên trên lớp học (theo quy chế thi-kiểm tra). Điểm thi kết thúc

môn học được công bố trên bảng thông báo của khoa hoặc bộ môn quản lý môn học và trên website trường.

### **Điều 13. Thi kết thúc môn học**

1. Hình thức thi: hình thức chủ yếu là sinh viên làm bài thi vào cuối học kỳ. Trường hợp thật đặc biệt được Khoa chấp thuận và có ghi trong Đề cương môn học, thi có thể là quá trình đánh giá liên tục trong quá trình học tập mà không phải có một kỳ thi cuối học kỳ.
2. Điều kiện dự thi học kỳ
  - a. Sinh viên vắng mặt quá 30% số tiết môn học sẽ bị cấm thi cuối học kỳ của môn học đó và phải đăng ký học lại môn học đó vào các học kỳ kế tiếp. Sinh viên bị cấm thi học lại môn nào thì Điểm trung bình môn học đó bằng không (00)
  - b. Danh sách sinh viên bị cấm thi – học lại do Trường phòng Đào tạo ký công bố cho sinh viên chậm nhất trước ngày thi môn đầu tiên 1 tuần. Mọi trường hợp điều chỉnh danh sách sau khi công bố phải được sự phê duyệt của Ban Giám hiệu.
3. Nếu Điểm trung bình môn học không đạt (dưới 4,0), sinh viên được tham gia kỳ thi lại, thường sau kỳ thi thứ nhất khoảng 2-4 tuần lễ. Các điểm thành phần kiểm tra được giữ lại để tính Điểm trung bình môn học.
4. Nếu Điểm trung bình môn học sau lần thi lại vẫn chưa đạt, sinh viên phải đăng ký học lại môn học đó.
5. Việc tổ chức kiểm tra, thi học kỳ và xử lý các vi phạm được áp dụng theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và theo Quy chế thi - kiểm tra của nhà trường.

### **Điều 14. Cách tính điểm và thang điểm đánh giá**

1. Điểm kiểm tra và thi được quy về thang điểm từ 0 đến 10, và làm tròn đến 0.5
2. Điểm trung bình môn học là trung bình trọng số của điểm các lần kiểm tra và thi học kỳ và làm tròn đến hai chữ số thập phân.
  - a. Điểm trung bình môn học được tính dựa vào điểm cao nhất đạt được trong các lần thi. Tuy nhiên, việc xét khen thưởng chỉ dựa vào Điểm TBMH được tính trên kết quả lần thi thứ nhất.
  - b. Môn học xếp loại đạt nếu Điểm trung bình môn học từ 4,0 trở lên.
3. Điểm tổng kết khóa học là điểm trung bình trọng số của tất cả các Điểm trung bình môn học và được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

## **Chương 4 XỬ LÝ HỌC VỤ**

### **Điều 15. Tạm dừng học**

1. Sinh viên được phép xin tạm dừng học và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau đây:
  - a. Được động viên vào lực lượng vũ trang;
  - b. Bị ốm hoặc tai nạn buộc phải điều trị thời gian dài có giấy xác nhận của cơ quan y tế;

- c. Vì nhu cầu cá nhân. Trường hợp này, sinh viên phải học ít nhất một học kỳ ở trường và không thuộc diện xem xét buộc thôi học. Thời gian tạm dừng học vì nhu cầu cá nhân được tính vào thời gian học chính thức.
2. Sinh viên muốn xin tạm dừng học phải nộp đơn chậm nhất là một tuần trước thời điểm xin tạm dừng học và chờ nhận quyết định của nhà trường.
3. Đối với trường hợp a và b của khoản 1 điều này:
  - a. Căn cứ vào thời hạn sinh viên nộp đơn, lý do và thời hạn được tạm dừng học, nhà trường sẽ xem xét mức độ hoàn học phí hoặc bảo lưu học phí.
  - b. Nếu ngành học sinh viên đang học không còn khoá đào tạo, sinh viên được quyền chuyển sang một ngành khác tương đương mà không bị ràng buộc bởi điều kiện chuyển ngành ở Điều 10, mục 2, khoản c, d khi quay trở lại nhập học.
4. Sinh viên được tạm dừng học có trách nhiệm hoàn tất thủ tục đăng ký nhập học lại theo thời hạn và các nội dung khác được ghi trong quyết định. Hồ sơ đăng ký nhập học lại nộp tại tổ tiếp nhận yêu cầu sinh viên để trình Hiệu trưởng ra quyết định.
5. Sinh viên nhập học lại có trách nhiệm hoàn tất Chương trình đào tạo theo khoá học đầu vào của mình trong thời hạn quy định và cần hoạch định lộ trình học tiếp để đăng ký môn học với các khoá sau.

#### **Điều 16. Buộc thôi học**

1. Sinh viên bị buộc thôi học (hoặc xoá tên) nếu rơi vào một trong các trường hợp sau đây:
  - a. Điểm trung bình học kỳ đạt dưới 2,0.
  - b. Điểm trung bình của tất cả các môn học tính từ đầu khóa học đến thời điểm xử lý học vụ dưới 3,0.
  - c. Không hoàn tất nghĩa vụ học phí theo thời hạn quy định của trường.
  - d. Vượt quá thời hạn tối đa của khóa học mà chưa đủ điều kiện tốt nghiệp.
  - e. Bị kỷ luật đến mức buộc thôi học.
2. Sau mỗi học kỳ, những sinh viên thuộc diện buộc thôi học theo mục 1, khoản a, b có thể làm đơn xin xem xét để được tiếp tục học tập tại trường. Nếu vẫn tiếp tục thuộc diện bị buộc thôi học trường sẽ ra quyết định buộc thôi học.
3. Sinh viên có quyết định buộc thôi học chậm nhất sau 1 tháng được trường thông báo trả về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú.

## **Chương 5 TỐT NGHIỆP**

#### **Điều 17. Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp**

1. Sinh viên được công nhận tốt nghiệp nếu hội đủ các điều kiện sau đây:
  - a. Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
  - b. Tích lũy đủ số môn học quy định cho chương trình đào tạo, không còn môn học bị điểm dưới 4,00, riêng các môn thực tập không dưới 5,00.
  - c. Điểm tổng kết khóa học từ 5,00 trở lên.

2. Sinh viên tốt nghiệp sẽ được phân loại theo Điểm tổng kết khóa học với thứ hạng như sau:

Hạng xuất sắc	: từ 9,00 đến 10
Hạng giỏi	: từ 8,00 đến 8,99
Hạng khá	: từ 7,00 đến 7,99
Hạng trung bình	: từ 5,00 đến 6,99

**Điều 18. Cấp bằng tốt nghiệp**

1. Đối với sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp theo điều 17 Trường cấp bằng Kỹ thuật viên (cho sinh viên hoàn tất Khóa đào tạo Kỹ thuật viên 1 năm) và Kỹ thuật viên cao cấp (cho sinh viên hoàn tất khóa đào tạo Kỹ thuật viên cao cấp 2 năm).
2. Sinh viên không tốt nghiệp được cấp bằng điểm về các môn học đã học trong chương trình đào tạo của trường.

Tp.HCM, ngày 12 tháng 10 năm 2007

**KT.HIỆU TRƯỞNG**  
**P.HIỆU TRƯỞNG**  
(đã ký)

**ĐỖ SỸ CƯỜNG**